

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **28** /2018/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày **25** tháng **6** năm **2018**

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức hỗ trợ bố trí, ổn định dân cư tại các vùng sạt lở bờ sông, sạt lở bờ biển, sạt lở kênh rạch, sụt lún đất, lốc xoáy, xâm nhập mặn nước biển dâng, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Bến Tre

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... S..... Ngày: 29/6/2018.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020”;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về “Quy định Quy trình bố trí, ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ”.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1077/TTr-SNN ngày 17 tháng 5 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng hỗ trợ

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng cho việc thực hiện bố trí, ổn định dân cư theo quy hoạch, dự án đầu tư, kế hoạch của Nhà nước tại các vùng sạt lở bờ sông, sạt lở bờ biển, sạt lở kênh rạch, sụt lún đất, lốc xoáy, xâm nhập mặn, nước biển dâng, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Bến Tre, giai đoạn 2018 - 2020.

2. Đối tượng hỗ trợ

Hộ gia đình được bố trí, ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, ổn định tại chỗ theo quy hoạch, dự án đầu tư, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: Hộ gia đình đang sống ở vùng có nguy cơ bị mất đất ở, nhà ở, đất sản xuất và hộ gia đình bị mất đất ở, nhà ở, đất sản xuất do sạt lở bờ sông, sạt lở bờ biển, sạt lở kênh rạch, sụt lún đất, lốc xoáy, xâm nhập mặn, nước biển dâng, khu rừng đặc dụng cần phải di dời đến nơi ở an toàn, gia cố sạt lở ổn định nhà ở tại chỗ, di dời vào khu tái định cư tập trung.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ

Hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình các chi phí về di chuyển người, hành lý, mua công cụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi, lương thực, nước sinh hoạt, xây dựng nhà ở và hỗ trợ ổn định tại chỗ cho các hộ gia đình. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

1. Hộ gia đình di chuyển nội vùng dự án mức hỗ trợ là 20 triệu đồng/hộ, di chuyển trong tỉnh mức hỗ trợ là 23 triệu đồng/hộ, di chuyển ngoài tỉnh mức hỗ trợ là 25 triệu đồng/hộ. Trường hợp hộ gia đình bị mất toàn bộ đất ở, nhà ở, đất sản xuất do sạt lở bờ sông, sạt lở bờ biển, sạt lở kênh rạch, sụt lún đất, lốc xoáy, xâm nhập mặn, nước biển dâng, khu rừng đặc dụng được hỗ trợ thêm 12 tháng lương thực theo mức tương đương 30 kg gạo/nhân khẩu/tháng (mức giá theo thông báo của Sở Tài chính Bến Tre tại thời điểm hỗ trợ).

2. Hộ gia đình ở chỗ bị sạt lở bờ sông, chỗ bị sạt lở kênh rạch, tại các chỗ bị sạt lở chậm do không còn quỹ đất xây dựng khu tái định cư tập trung để di chuyển đến, vì thế hộ dân có thể gia cố sạt lở ổn định nhà ở tại chỗ, mức hỗ trợ là 10 triệu đồng/hộ.

3. Đối với các trường hợp hộ gia đình là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn thuộc đối tượng hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quyết định này, nếu đã được hưởng chính sách theo Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bến Tre, sẽ được hưởng theo một số mức hỗ trợ nhất định từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu thực hiện Chương trình bố trí dân cư hàng năm nhưng đảm bảo tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 25 triệu đồng/hộ khi di chuyển nội vùng dự án, 27 triệu đồng/hộ khi di chuyển trong tỉnh, 29 triệu đồng/hộ khi di chuyển ngoài tỉnh, 20 triệu đồng/hộ cho trường hợp gia cố sạt lở ổn định nhà ở tại chỗ, 405 kg gạo/nhân khẩu (mức giá theo thông báo của Sở Tài chính Bến Tre tại thời điểm hỗ trợ) khi bị mất toàn bộ đất ở, nhà ở, đất sản xuất do sạt lở bờ sông, sạt lở bờ biển, sạt lở kênh rạch, sụt lún đất, lốc xoáy, xâm nhập mặn, nước biển dâng, khu rừng đặc dụng.

Điều 3. Quy trình xét hỗ trợ

Thực hiện theo Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định Quy trình bố trí, ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện bố trí, ổn định dân cư tại các vùng sạt lở bờ sông, sạt lở bờ biển, sạt lở kênh rạch, sụt lún đất, lốc xoáy, xâm nhập mặn, nước biển dâng, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Bến Tre được sử dụng từ nguồn kinh phí của Trung ương hỗ trợ có mục tiêu thuộc Chương trình bố trí dân cư được ngân sách Nhà nước giao hàng năm (thực hiện Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ) và nguồn vốn lồng ghép của các chương trình, dự án khác trên địa bàn với Chương trình bố trí dân cư.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh, địa phương và các đoàn thể có liên quan tổ chức triển khai thực hiện tốt quy định tại Quyết định này và các quy định khác có liên quan.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện chương trình bố trí dân cư hàng năm, 05 năm trên địa bàn tỉnh để báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ theo quy định.

c) Theo dõi tiến độ thực hiện công tác bố trí, ổn định dân cư tại các vùng sạt lở bờ sông, sạt lở bờ biển, sạt lở kênh rạch, sụt lún đất, lốc xoáy, xâm nhập mặn, nước biển dâng, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Bến Tre, để kịp thời đề nghị bổ sung nguồn vốn hoặc điều chỉnh nếu có nhu cầu.

d) Chỉ đạo Chi cục Phát triển nông thôn thực hiện tốt các nhiệm vụ trong tâm sau:

Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, Phòng Kinh tế thành phố Bến Tre tổ chức thăm tra thực tế số hộ dân di dời đến nơi ở an toàn, số hộ dân gia cố sạt lở ổn định tại chỗ và tham gia hội đồng xét duyệt cấp huyện, thành phố để thống nhất số hộ hỗ trợ hàng năm.

Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố giải quyết khiếu nại của hộ dân đúng quy định.

Phối hợp và chịu trách nhiệm cấp phát kinh phí cho số hộ dân sạt lở bờ sông, sạt lở bờ biển, sạt lở kênh rạch, sụt lún đất, lốc xoáy, xâm nhập mặn, nước biển dâng, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Bến Tre và thanh quyết toán theo đúng quy định.

Tiếp nhận nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu Chương trình bố trí dân cư tại các vùng sạt lở bờ sông, sạt lở bờ biển, sạt lở kênh rạch, sụt lún đất, lốc xoáy, xâm nhập mặn, nước biển dâng, khu rừng đặc dụng và tiến hành cấp phát kinh phí cho hộ dân trực tiếp, kịp thời và đúng quy định của pháp luật.

Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác bố trí dân cư cấp huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn hàng năm.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền bố trí lồng ghép chính sách thuộc các chương trình, dự án khác trên địa bàn với dự án thuộc Chương trình bố trí dân cư được phê duyệt; trình cấp có thẩm quyền phân bổ nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu Chương trình bố trí dân cư tại các vùng sạt lở bờ sông, sạt lở bờ biển, sạt lở kênh rạch, sụt lún đất, lốc xoáy, xâm nhập mặn, nước biển dâng, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

3. Sở Tài chính

Hướng dẫn và thẩm định dự toán để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương thực hiện hỗ trợ và tạo các điều kiện thuận lợi cho việc cấp phát kinh phí cho hộ dân đúng tiến độ theo quy định.

4. Kho bạc Nhà nước

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, quyết toán nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu Chương trình bố trí dân cư tại các vùng sạt lở bờ sông, sạt lở bờ biển, sạt lở kênh rạch, sụt lún đất, lốc xoáy, xâm nhập mặn, nước biển dâng, khu rừng đặc dụng theo đúng quy định.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Chủ trì cuộc họp hội đồng xét duyệt cấp huyện, thành phố và phối hợp với Chi cục Phát triển nông thôn giải quyết đơn khiếu nại của hộ dân sau khi Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đã giải quyết nhưng hộ dân chưa thống nhất.

b) Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện/Phòng Kinh tế thành phố Bến Tre và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

Tham gia đầy đủ các công việc theo quy trình xét hỗ trợ bố trí, ổn định dân cư tại các vùng sạt lở bờ sông, sạt lở bờ biển, sạt lở kênh rạch, sụt lún đất, lốc xoáy, xâm nhập mặn, nước biển dâng, khu rừng đặc dụng.

Thống kê đầy đủ số hộ dân được xét hỗ trợ bố trí, ổn định dân cư tại các vùng sạt lở bờ sông, sạt lở bờ biển, sạt lở kênh rạch, sụt lún đất, lốc xoáy, xâm nhập mặn, nước biển dâng, khu rừng đặc dụng và họp hội đồng xét duyệt công bằng, chính xác, tránh tình trạng thắc mắc, khiếu nại của người dân.

Phân công cán bộ trực tiếp theo dõi để kịp thời tiếp nhận đề xuất của nhân dân và nắm tình hình sạt lở tại địa phương để báo cáo về huyện hỗ trợ theo đúng quy định.

Điều 6. Điều khoản thi hành

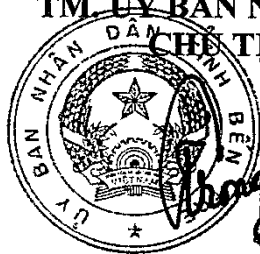
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2018 và thay thế Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức hỗ trợ bố trí, ổn định dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Các PCVP;
- Website tỉnh; Báo ĐK, Đài PT-TH tỉnh;
- Phòng: KT, TH, TCĐT; TTTTĐT;
- Ban Tiếp công dân tỉnh (để niêm yết);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Cao Văn Trọng